

Số: 20/2024/QĐST-HNGĐ

Nam Đông, ngày 14 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Kim L**, sinh năm 1989; Nơi thường trú: **Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986; Nơi thường trú: **Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Trương Thị Kim L** và anh **Nguyễn Văn T**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao hai con **Nguyễn Văn Nhân Đ**, sinh ngày 06/9/2010 và cháu **Nguyễn Văn Đức L1**, sinh ngày: 04/01/2013 cho chị **Trương Thị Kim L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh **Nguyễn Văn T** không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ trả nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Trương Thị Kim L** tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị **L** đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002291 ngày 06/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Trả lại cho chị **L** 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- UBND xã Hương Phú, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế;
(Đăng ký kết hôn ngày 22/12/2009)
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Vân